TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 5/02/2021
V/v: "Xin ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thành Tựu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/Ông Hồ Trung Hậu

2/Ông Nguyễn Thanh Bình

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Trí, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long không tham dự phiên tòa.

Ngày 02 và ngày 5 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long. Tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 231/2020/TLST-HN ngày 24 tháng 12 năm 2020 về việc "Xin ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 4/2021/QĐXXST-HN ngày 20/01/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1971 (có mặt)

Nơi cư trú: tổ 8, ấp T, xã L, B, Vĩnh Long.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Tú Q2, sinh năm 1970 (có mặt)

Nơi cư trú: tổ 8, ấp T, xã L, B, Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và bản khai ngày 24/12/2020 và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Văn Q trình bày:

Vào 2000, anh Nguyễn Văn Q và chị Nguyễn Thị Tú Q2 quen biết nhau, tiến tới hôn nhân, cha mẹ hai bên đồng ý và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thành Lợi và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 16/12/2004.

Nữ trang ngày cưới gồm 1 đôi bông hoa tai 1 chỉ vàng 24k, vợ chồng đã thỏa thuận bán tiêu xài hết.

Sau ngày cưới vợ chồng về sống chung gia đình bên vợ tại tổ 8, ấp T, xã L, B, Vĩnh Long. Vợ chồng sống hạnh phúc được 17 năm. Đến năm 2000 thì cha mẹ vợ cho đất cất nhà vợ chồng cùng nhau sinh sống cho đến nay. Vợ chồng có 1 con chung tên Nguyễn Thị Như T, sinh ngày 26/03/2003; cháu Nguyễn Thị Như S, sinh ngày 20/10/1991 là con riêng của chị Q2. Về tài sản chung: không có; về nợ chung: không có.

Về mâu thuẩn gia đình: do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống. vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2019 cho đến nay, hiện mỗi người đều có 1 cuộc sống riêng không ai quan tâm đến ai.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Q yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Văn Q xin được ly hôn chị Nguyễn Thị Tú Q2

- Về con chung: Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 26/3/2003, anh Nguyễn Văn Q yêu cầu để chị Q2 được tiếp tục nuôi con chung, anh Q không cấp dưỡng nuôi con.

- Về con con riêng: Anh Nguyễn Văn Q không yêu cầu.

- Về quan hệ tài sản: Không tranh chấp, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ: không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

* Tại biên bản hòa giải ngày 20/01/2021 bị đơn chị Nguyễn Thị Tú Q trình bày: Qua lời trình bày về thời gian kết hôn, nữ trang, con chung là đúng.

- Về mâu thuẩn gia đình: Vợ chồng sống hạnh phúc được 17 năm thì không phát sinh mâu thuẩn. Nay anh Q xin ly hôn chị Q2 không đồng ý, chị Q2 yêu cầu đoàn tụ.

- Về con chung: con đã trưởng thành nên không có nên không yêu cầu giải quyết.

- Về quan hệ tài sản: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ: không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn anh Nguyễn Văn Q trình bày: Về thời gian kết hôn, nữ trang, con chung, tài sản chung là đúng như đơn khởi kiện.

Về mâu thuẩn gia đình: do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống. vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2019 cho đến nay, hiện mỗi người đều có 1 cuộc sống riêng không ai quan tâm đến ai.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Q yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Văn Q xin được ly hôn chị Nguyễn Thị Tú Q2

- Về con chung: Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 26/3/2003, anh Q yêu cầu để chị Q được tiếp tục nuôi con chung, anh Q không cấp dưỡng nuôi con.

- Về con con riêng: anh Q không yêu cầu.

- Về quan hệ tài sản: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không yêu cầu nào khác.

- Bị đơn chị Nguyễn Thị Tú Q2 trình bày: Qua lời trình bày của anh Q về thời gian kết hôn, nữ trang, con chung, tài sản chung là đúng.

- Về mâu thuẩn gia đình: Vợ chồng sống hạnh phúc được 17 năm thì không phát sinh mâu thuẩn. Nay anh Q xin ly hôn chị Q2 không đồng ý, chị Q2 yêu cầu đoàn tụ.

- Nếu Hội đồng xét xử chấp nhận cho ly hôn thì:

- Về con chung: Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 26/3/2003, chị Q2 đồng ý tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ: không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo nội dung đơn khởi kiện, bảng tự khai của nguyên đơn cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có sơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Xin ly hôn và nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long và có mặt tại địa phương do đó căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Vào 2000, anh Nguyễn Văn Q và chị Nguyễn Thị Tú Q2 quen biết nhau và có tìm hiểu trước nên tiến tới hôn nhân, anh Q và chị Q2 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thành Lợi, huyện Bình Tân và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 16/12/2004 đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Anh Q và chị Q2 đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Hiện mỗi người đều có một cuộc sống riêng không ai quan tâm đến ai. Mặc khác chị Q2 cho rằng chị Q2 vẫn còn thương anh Q cho nên chị Q2 yêu cầu đoàn tụ, không đồng ý ly hôn anh Q. Anh Q vẫn cương quyết xin ly hôn chị Q2. Xét yêu cầu đoàn tụ của chị Q2 là không có cơ sở để chấp nhận. Xét yêu cầu của anh Q là có cơ sở. Áp dụng vào Điều 9, 51, 53, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn Q. Anh Nguyễn văn Q được ly hôn chị Nguyễn Thị Tú Q2

[4]Xét về con chung: Anh Nguyễn Văn Q và chị Nguyễn Thị Tú Q2 chung sống với nhau có sinh được 1 con chung tên Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 26/03/2003. Hiện đang sống chung với chị Q2. Anh Q yêu cầu để cho chị Q2 được tiếp tục nuôi con chung, anh Q không cấp dưỡng nuôi con. Mặc khác chị Nguyễn Thị Tú Q2 cho rằng nêu Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Q thì cháu Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 26/3/2003, chị Q2 đồng ý tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy chị Q2 đang trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu T. Để ổn định môi trường sống, chăm sóc, nuôi dưỡng của cháu T không bị thay đổi nên để chị Q2 tiếp tục nuôi con chung là phù hợp và không trái pháp luật. Chị Q không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi là hoàn toàn tự nguyện không bị ép buộc. Xét yêu cầu của anh Q là có cơ sở. Áp dụng Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của anh Q. Chị Q2 được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 26/03/2003. anh Q không cấp dưỡng nuôi.

Anh nguyễn Văn Q được quyền tới lui, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Nhưng anh Q không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Q2 có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Q.

[5]Về quan hệ tài sản và nợ chung: Anh Nguyễn Văn Q và chị Nguyễn Thị Tú Q2 không tranh chấp, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8]Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quãn lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Anh Nguyễn Văn Q nộp 300.000 đồng, anh Q được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biện lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011780 ngày 24/12/2020 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 9, 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quãn lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử: Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn Q.

1/Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Q được ly hôn chị Nguyễn Thị Tú Q2.

2/Về con chung: Chị Q2 được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 26/03/2003. anh Q không cấp dưỡng nuôi con.

Anh nguyễn Văn Q được quyền tới lui, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Nhưng anh Q không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Q có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Q.

3/Về quan hệ tài sản và nợ chung: không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/Về án phí Hôn nhân sơ thẩm:

- Anh Nguyễn Văn Q nộp 300.000 đồng, anh Quang được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng theo biện lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011780 ngày 24/12/2020 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân thu.

5/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6/Án xử công khai có mặt nguyên đơn anh NguyễnVăn Q biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn chị Nguyễn Thị Tú Q2 vắng mặt ngày tuyên án thì được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi thường trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Thành Tựu

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Vĩnh Long;
- VKS Huyện Bình Tân;
- THA huyện Bình Tân;
-UBND xã Thành Lợi,
Huyện Bình Tân, Vĩnh Long.
- các đương sự;
- Lưu.